

**KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

**Mẫu nước : Nước sau xử lý tại NMN Sân Bay**

**Người kiểm tra : Phạm Thị Thúy - Nguyễn Thị Nhật Huy - Huỳnh Thị Hồng Mỹ**

| Stt | Thời gian lấy mẫu:                 | Ngày 26/11/18            | Tháng 11/2018  |                  | Tuần 48 |         |
|-----|------------------------------------|--------------------------|----------------|------------------|---------|---------|
|     | Chỉ tiêu                           | Ký hiệu                  | Đơn vị         | Tiêu chuẩn       | Kết quả | Ghi chú |
| 1   | Màu sắc                            | Màu XL-SB                | Pt-Co          | $\leq 15$        | 0       |         |
| 2   | Mùi vị                             | Mùi XL-SB                |                | Không mùi, vị lạ | 0       |         |
| 3   | Độ đục                             | Tur XL-SB                | NTU            | $\leq 2$         | 0.40    |         |
| 4   | pH                                 | pH XL-SB                 | pH             | 6,5-8,5          | 6.74    |         |
| 5   | Độ cứng, tính theo $\text{CaCO}_3$ | Cứng XL-SB               | mg/l           | $\leq 300$       | 36      |         |
| 6   | Tổng chất rắn hòa tan TDS          | TDS XL-SB                | mg/l           | $\leq 1000$      | 106.4   |         |
| 7   | Hàm lượng Clorua                   | Mặn XL-SB                | mg/l           | $\leq 250$       | 78.1    |         |
| 8   | Hàm lượng Sắt tổng số              | Fetp XL-SB               | mg/l           | $\leq 0,3$       | 0.07    |         |
| 9   | Hàm lượng Mangan tổng số           | Mn XL-SB                 | mg/l           | $\leq 0,3$       | 0.002   |         |
| 10  | Hàm lượng Nitrat                   | $\text{NO}_3^-$ XL-SB    | mg/l           | $\leq 50$        | 0.48    |         |
| 11  | Hàm lượng Nitrit                   | $\text{NO}_2^-$ XL-SB    | mg/l           | $\leq 3$         | 0.014   |         |
| 12  | Hàm lượng Sunphat                  | $\text{SO}_4^{2-}$ XL-SB | mg/l           | $\leq 250$       | 9       |         |
| 13  | Chỉ số Pecmanganat                 | HCơ XL-SB                | mg/l           | $\leq 2$         | 0.00    |         |
| 14  | Coliform tổng số                   | Coliform XL-SB           | Vi khuẩn/100ml | 0                | 0       |         |
| 15  | E. coli                            | E.coli XL-SB             | Vi khuẩn/100ml | 0                | 0       |         |
| 16  | Chlorine dư                        | Clo XL-SB                | mg/l           | 0,3 - 0,5        | 0.50    |         |

- **Kết luận:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.

- **Ghi chú:** Tổng Giám đốc Công ty đã Ủy quyền cho Giám đốc XN Sản xuất nước sạch ký Kết quả kiểm tra chất lượng nước theo Giấy ủy quyền số 11/GUQ-CTCN ngày 02/8/2017.

  
**GIÁM ĐỐC**  
  
PHAN LƯU

**TỔ XÉT NGHIỆM**  
  
PHẠM VIỆT HƯNG

**KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC****Mẫu nước : Nước sau xử lý tại NMN Sân Bay****Người kiểm tra : Phạm Thị Thúy - Nguyễn Thị Nhật Huy - Huỳnh Thị Hồng Mỹ**

| Stt | Thời gian lấy mẫu:                 | Ngày 19/11/18            | Tháng 11/2018  |                  | Tuần 47 |         |
|-----|------------------------------------|--------------------------|----------------|------------------|---------|---------|
|     | Chỉ tiêu                           | Ký hiệu                  | Đơn vị         | Tiêu chuẩn       | Kết quả | Ghi chú |
| 1   | Màu sắc                            | Màu XL-SB                | Pt-Co          | $\leq 15$        | 0       |         |
| 2   | Mùi vị                             | Mùi XL-SB                |                | Không mùi, vị lạ | 0       |         |
| 3   | Độ đục                             | Tur XL-SB                | NTU            | $\leq 2$         | 0.24    |         |
| 4   | pH                                 | pH XL-SB                 | pH             | 6,5-8,5          | 6.84    |         |
| 5   | Độ cứng, tính theo $\text{CaCO}_3$ | Cứng XL-SB               | mg/l           | $\leq 300$       | 68      |         |
| 6   | Tổng chất rắn hòa tan TDS          | TDS XL-SB                | mg/l           | $\leq 1000$      | 269.0   |         |
| 7   | Hàm lượng Clorua                   | Mặn XL-SB                | mg/l           | $\leq 250$       | 127.8   |         |
| 8   | Hàm lượng Sắt tổng số              | Fetp XL-SB               | mg/l           | $\leq 0,3$       | 0.07    |         |
| 9   | Hàm lượng Mangan tổng số           | Mn XL-SB                 | mg/l           | $\leq 0,3$       | 0.001   |         |
| 10  | Hàm lượng Nitrat                   | $\text{NO}_3^-$ XL-SB    | mg/l           | $\leq 50$        | 0.57    |         |
| 11  | Hàm lượng Nitrit                   | $\text{NO}_2^-$ XL-SB    | mg/l           | $\leq 3$         | 0.018   |         |
| 12  | Hàm lượng Sunphat                  | $\text{SO}_4^{2-}$ XL-SB | mg/l           | $\leq 250$       | 10      |         |
| 13  | Chỉ số Pecmanganat                 | HCo XL-SB                | mg/l           | $\leq 2$         | 0.00    |         |
| 14  | Coliform tổng số                   | Coliform XL-SB           | Vi khuẩn/100ml | 0                | 0       |         |
| 15  | E. coli                            | E.coli XL-SB             | Vi khuẩn/100ml | 0                | 0       |         |
| 16  | Chlorine dư                        | Clo XL-SB                | mg/l           | 0,3 - 0,5        | 0.50    |         |

- **Kết luận:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.

- **Ghi chú:** Tổng Giám đốc Công ty đã Ủy quyền cho Giám đốc XN Sản xuất nước sạch ký Kết quả kiểm tra chất lượng nước theo Giấy ủy quyền số 11/GUQ-CTCN ngày 02/8/2017.



PHAN LƯU

TỔ XÉT NGHIỆM

PHẠM VIỆT HƯNG



**KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

Mẫu nước : Nước sau xử lý tại NMN Sân Bay

Người kiểm tra : Phạm Thị Thúy - Nguyễn Thị Nhật Huy - Huỳnh Thị Hồng Mỹ

| Stt | Thời gian lấy mẫu:                 | Ngày 12/11/18            | Tháng 11/2018      |                  | Tuần 46 |         |
|-----|------------------------------------|--------------------------|--------------------|------------------|---------|---------|
|     | Chỉ tiêu                           | Ký hiệu                  | Đơn vị             | Tiêu chuẩn       | Kết quả | Ghi chú |
| 1   | Màu sắc                            | Màu XL-SB                | Pt-Co              | $\leq 15$        | 0       |         |
| 2   | Mùi vị                             | Mùi XL-SB                |                    | Không mùi, vị lạ | 0       |         |
| 3   | Độ đục                             | Tur XL-SB                | NTU                | $\leq 2$         | 0.61    |         |
| 4   | pH                                 | pH XL-SB                 | pH                 | 6,5-8,5          | 6.74    |         |
| 5   | Độ cứng, tính theo $\text{CaCO}_3$ | Cứng XL-SB               | mg/l               | $\leq 300$       | 20      |         |
| 6   | Tổng chất rắn hòa tan TDS          | TDS XL-SB                | mg/l               | $\leq 1000$      | 40.6    |         |
| 7   | Hàm lượng Clorua                   | Mặn XL-SB                | mg/l               | $\leq 250$       | 21.3    |         |
| 8   | Hàm lượng Sắt tổng số              | Fetp XL-SB               | mg/l               | $\leq 0,3$       | 0.09    |         |
| 9   | Hàm lượng Mangan tổng số tổng số   | Mn XL-SB                 | mg/l               | $\leq 0,3$       | 0.000   |         |
| 10  | Hàm lượng Nitrat                   | $\text{NO}_3^-$ XL-SB    | mg/l               | $\leq 50$        | 0.52    |         |
| 11  | Hàm lượng Nitrit                   | $\text{NO}_2^-$ XL-SB    | mg/l               | $\leq 3$         | 0.014   |         |
| 12  | Hàm lượng Amoni                    | $\text{NH}_4^{+}$ XL-SB  | mg/l               | $\leq 3$         | 0.01    |         |
| 13  | Hàm lượng Sunphat                  | $\text{SO}_4^{2-}$ XL-SB | mg/l               | $\leq 250$       | 7       |         |
| 14  | Chỉ số Pecmanganat                 | HCơ XL-SB                | mg/l               | $\leq 2$         | 0.16    |         |
| 15  | Coliform tổng số                   | Coliform XL-SB           | Vi khuẩn/<br>100ml | 0                | 0       |         |
| 16  | E. coli                            | E.coli XL-SB             | Vi khuẩn/<br>100ml | 0                | 0       |         |
| 17  | Chlorine dư                        | Clo XL-SB                | mg/l               | 0,3 - 0,5        | 0.50    |         |

- **Kết luận:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.

- **Ghi chú:** Tổng Giám đốc Công ty đã Ủy quyền cho Giám đốc XN Sản xuất nước sạch ký Kết quả kiểm tra chất lượng nước theo Giấy ủy quyền số 11/GUQ-CTCN ngày 02/8/2017.



PHAN LƯU

TỔ XÉT NGHIỆM

PHẠM VIỆT HÙNG

## KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC

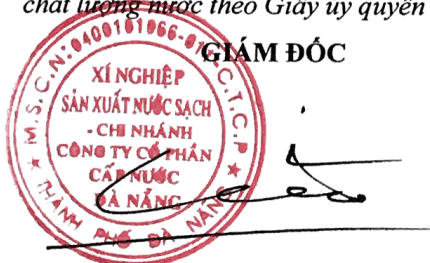
Mẫu nước : Nước sau xử lý tại NMN Sân Bay

Người kiểm tra : Phạm Thị Thúy - Nguyễn Thị Nhật Huy - Huỳnh Thị Hồng Mỹ

| Stt | Thời gian lấy mẫu:                 | Ngày 05/11/18            | Tháng 11/2018  |                  | Tuần 45 |         |
|-----|------------------------------------|--------------------------|----------------|------------------|---------|---------|
|     | Chỉ tiêu                           | Ký hiệu                  | Đơn vị         | Tiêu chuẩn       | Kết quả | Ghi chú |
| 1   | Màu sắc                            | Màu XL-SB                | Pt-Co          | $\leq 15$        | 0       |         |
| 2   | Mùi vị                             | Mùi XL-SB                |                | Không mùi, vị lạ | 0       |         |
| 3   | Độ đục                             | Tur XL-SB                | NTU            | $\leq 2$         | 0.25    |         |
| 4   | pH                                 | pH XL-SB                 | pH             | 6,5-8,5          | 7.11    |         |
| 5   | Độ cứng, tính theo $\text{CaCO}_3$ | Cứng XL-SB               | mg/l           | $\leq 300$       | 104     |         |
| 6   | Tổng chất rắn hòa tan TDS          | TDS XL-SB                | mg/l           | $\leq 1000$      | 440.5   |         |
| 7   | Hàm lượng Clorua                   | Mặn XL-SB                | mg/l           | $\leq 250$       | 198.8   |         |
| 8   | Hàm lượng Sắt tổng số              | Fetp XL-SB               | mg/l           | $\leq 0,3$       | 0.18    |         |
| 9   | Hàm lượng Mangan tổng số           | Mn XL-SB                 | mg/l           | $\leq 0,3$       | 0.005   |         |
| 10  | Hàm lượng Nitrat                   | $\text{NO}_3^-$ XL-SB    | mg/l           | $\leq 50$        | 0.61    |         |
| 11  | Hàm lượng Nitrit                   | $\text{NO}_2^-$ XL-SB    | mg/l           | $\leq 3$         | 0.013   |         |
| 12  | Hàm lượng Sunphat                  | $\text{SO}_4^{2-}$ XL-SB | mg/l           | $\leq 250$       | 24      |         |
| 13  | Chỉ số Pecmanganat                 | HCơ XL-SB                | mg/l           | $\leq 2$         | 0.32    |         |
| 14  | Coliform tổng số                   | Coliform XL-SB           | Vi khuẩn/100ml | 0                | 0       |         |
| 15  | E. coli                            | E.coli XL-SB             | Vi khuẩn/100ml | 0                | 0       |         |
| 16  | Chlorine dư                        | Clo XL-SB                | mg/l           | 0,3 - 0,5        | 0.50    |         |

- **Kết luận:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.

- **Ghi chú:** Tổng Giám đốc Công ty đã Ủy quyền cho Giám đốc XN Sản xuất nước sạch ký Kết quả kiểm tra chất lượng nước theo Giấy ủy quyền số 11/GUQ-CTCN ngày 02/8/2017.



PHAN LƯU

TỔ XÉT NGHIỆM

PHẠM VIỆT HÙNG



**KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

**Mẫu nước :** Nước sau xử lý tại NMN Cầu Đỏ

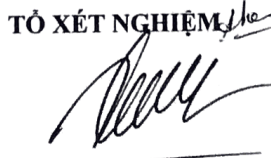
**Người kiểm tra :** Phạm Thị Thúy - Nguyễn Thị Nhật Huy - Huỳnh Thị Hồng Mỹ

| Stt | Thời gian lấy mẫu:                 | Ngày 26/11/18            | Tháng 11/2018  |                  | Tuần 48 |         |
|-----|------------------------------------|--------------------------|----------------|------------------|---------|---------|
|     | Chỉ tiêu                           | Ký hiệu                  | Đơn vị         | Tiêu chuẩn       | Kết quả | Ghi chú |
| 1   | Màu sắc                            | Màu XL-CĐ                | Pt-Co          | $\leq 15$        | 0       |         |
| 2   | Mùi vị                             | Mùi XL-CĐ                |                | Không mùi, vị lạ | 0       |         |
| 3   | Độ đục                             | Tur XL-CĐ                | NTU            | $\leq 2$         | 0.71    |         |
| 4   | pH                                 | pH XL-CĐ                 | pH             | 6,5-8,5          | 6.78    |         |
| 5   | Độ cứng, tính theo $\text{CaCO}_3$ | Cứng XL-CĐ               | mg/l           | $\leq 300$       | 30      |         |
| 6   | Tổng chất rắn hòa tan TDS          | TDS XL-CĐ                | mg/l           | $\leq 1000$      | 62.2    |         |
| 7   | Hàm lượng Clorua                   | Mặn XL-CĐ                | mg/l           | $\leq 250$       | 21.3    |         |
| 8   | Hàm lượng Sắt tổng số              | Fetp XL-CĐ               | mg/l           | $\leq 0,3$       | 0.06    |         |
| 9   | Hàm lượng Mangan tổng số           | Mn XL-CĐ                 | mg/l           | $\leq 0,3$       | 0.002   |         |
| 10  | Hàm lượng Nitrat                   | $\text{NO}_3^-$ XL-CĐ    | mg/l           | $\leq 50$        | 0.44    |         |
| 11  | Hàm lượng Nitrit                   | $\text{NO}_2^-$ XL-CĐ    | mg/l           | $\leq 3$         | 0.015   |         |
| 12  | Hàm lượng Sunphat                  | $\text{SO}_4^{2-}$ XL-CĐ | mg/l           | $\leq 250$       | 9       |         |
| 13  | Chỉ số Pecmanganat                 | HCo XL-CĐ                | mg/l           | $\leq 2$         | 0.16    |         |
| 14  | Coliform tổng số                   | Coliform XL-CĐ           | Vi khuẩn/100ml | 0                | 0       |         |
| 15  | E. coli                            | E.coli XL-CĐ             | Vi khuẩn/100ml | 0                | 0       |         |
| 16  | Chlorine dư                        | Clo XL-CĐ                | mg/l           | 0,3 - 0,5        | 0.50    |         |

**- Kết luận:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.

**- Ghi chú:** Tổng Giám đốc Công ty đã Ủy quyền cho Giám đốc XN Sản xuất nước sạch ký Kết quả kiểm tra chất lượng nước theo Giấy ủy quyền số 11/GUQ-CTCN ngày 02/8/2017.

  
**GIÁM ĐỐC**  
  
**PHAN LƯU**

**TỔ XÉT NGHIỆM**  
  
**PHẠM VIỆT HÙNG**

**KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

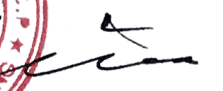
**Mẫu nước : Nước sau xử lý tại NMN Cầu Đỏ**

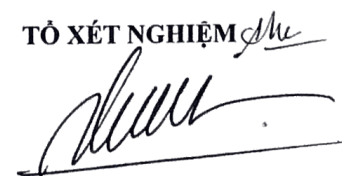
**Người kiểm tra : Phạm Thị Thúy - Nguyễn Thị Nhật Huy - Huỳnh Thị Hồng Mỹ**

| Stt | Thời gian lấy mẫu:                 | Ngày 19/11/18            | Tháng 11/2018  |                  | Tuần 47 |         |
|-----|------------------------------------|--------------------------|----------------|------------------|---------|---------|
|     | Chỉ tiêu                           | Ký hiệu                  | Đơn vị         | Tiêu chuẩn       | Kết quả | Ghi chú |
| 1   | Màu sắc                            | Màu XL-CĐ                | Pt-Co          | $\leq 15$        | 0       |         |
| 2   | Mùi vị                             | Mùi XL-CĐ                |                | Không mùi, vị lạ | 0       |         |
| 3   | Độ đục                             | Tur XL-CĐ                | NTU            | $\leq 2$         | 0.73    |         |
| 4   | pH                                 | pH XL-CĐ                 | pH             | 6,5-8,5          | 6.80    |         |
| 5   | Độ cứng, tính theo $\text{CaCO}_3$ | Cứng XL-CĐ               | mg/l           | $\leq 300$       | 68      |         |
| 6   | Tổng chất rắn hòa tan TDS          | TDS XL-CĐ                | mg/l           | $\leq 1000$      | 271.5   |         |
| 7   | Hàm lượng Clorua                   | Mặn XL-CĐ                | mg/l           | $\leq 250$       | 127.8   |         |
| 8   | Hàm lượng Sắt tổng số              | Fetp XL-CĐ               | mg/l           | $\leq 0,3$       | 0.06    |         |
| 9   | Hàm lượng Mangan tổng số           | Mn XL-CĐ                 | mg/l           | $\leq 0,3$       | 0.001   |         |
| 10  | Hàm lượng Nitrat                   | $\text{NO}_3^-$ XL-CĐ    | mg/l           | $\leq 50$        | 0.61    |         |
| 11  | Hàm lượng Nitrit                   | $\text{NO}_2^-$ XL-CĐ    | mg/l           | $\leq 3$         | 0.013   |         |
| 12  | Hàm lượng Sunphat                  | $\text{SO}_4^{2-}$ XL-CĐ | mg/l           | $\leq 250$       | 9       |         |
| 13  | Chỉ số Pecmanganat                 | HCơ XL-CĐ                | mg/l           | $\leq 2$         | 0.00    |         |
| 14  | Coliform tổng số                   | Coliform XL-CĐ           | Vi khuẩn/100ml | 0                | 0       |         |
| 15  | E. coli                            | E.coli XL-CĐ             | Vi khuẩn/100ml | 0                | 0       |         |
| 16  | Chlorine dư                        | Clo XL-CĐ                | mg/l           | 0,3 - 0,5        | 0.50    |         |

**- Kết luận:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.

**- Ghi chú:** Tổng Giám đốc Công ty đã Ủy quyền cho Giám đốc XN Sản xuất nước sạch ký Kết quả kiểm tra chất lượng nước theo Giấy ủy quyền số 11/GUQ-CTCN ngày 02/8/2017.

  
**GIÁM ĐỐC**  
  
PHAN LƯU

**TỔ XÉT NGHIỆM**  
  
PHẠM VIỆT HƯNG

**KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

**Mẫu nước : Nước sau xử lý tại NMN Cầu Đỏ**

**Người kiểm tra : Phạm Thị Thúy - Nguyễn Thị Nhật Huy - Huỳnh Thị Hồng Mỹ**

| Stt | Thời gian lấy mẫu:                 | Ngày 12/11/18            | Tháng 11/2018      |                  | Tuần 46 |         |
|-----|------------------------------------|--------------------------|--------------------|------------------|---------|---------|
|     | Chỉ tiêu                           | Ký hiệu                  | Đơn vị             | Tiêu chuẩn       | Kết quả | Ghi chú |
| 1   | Màu sắc                            | Màu XL-CĐ                | Pt-Co              | $\leq 15$        | 0       |         |
| 2   | Mùi vị                             | Mùi XL-CĐ                |                    | Không mùi, vị lạ | 0       |         |
| 3   | Độ đục                             | Tur XL-CĐ                | NTU                | $\leq 2$         | 1.03    |         |
| 4   | pH                                 | pH XL-CĐ                 | pH                 | 6,5-8,5          | 6.77    |         |
| 5   | Độ cứng, tính theo $\text{CaCO}_3$ | Cứng XL-CĐ               | mg/l               | $\leq 300$       | 20      |         |
| 6   | Tổng chất rắn hòa tan TDS          | TDS XL-CĐ                | mg/l               | $\leq 1000$      | 42.2    |         |
| 7   | Hàm lượng Clorua                   | Mặn XL-CĐ                | mg/l               | $\leq 250$       | 21.3    |         |
| 8   | Hàm lượng Sắt tổng số              | Fetp XL-CĐ               | mg/l               | $\leq 0,3$       | 0.08    |         |
| 9   | Hàm lượng Mangan tổng số           | Mn XL-CĐ                 | mg/l               | $\leq 0,3$       | 0.000   |         |
| 10  | Hàm lượng Nitrat                   | $\text{NO}_3^-$ XL-CĐ    | mg/l               | $\leq 50$        | 0.48    |         |
| 11  | Hàm lượng Nitrit                   | $\text{NO}_2^-$ XL-CĐ    | mg/l               | $\leq 3$         | 0.015   |         |
| 12  | Hàm lượng Amoni                    | $\text{NH}_4^+$ XL-CĐ    | mg/l               | $\leq 3$         | 0.01    |         |
| 13  | Hàm lượng Sunphat                  | $\text{SO}_4^{2-}$ XL-CĐ | mg/l               | $\leq 250$       | 8       |         |
| 14  | Chỉ số Pecmanganat                 | HCơ XL-CĐ                | mg/l               | $\leq 2$         | 0.16    |         |
| 15  | Coliform tổng số                   | Coliform XL-CĐ           | Vi khuẩn/<br>100ml | 0                | 0       |         |
| 16  | E. coli                            | E.coli XL-CĐ             | Vi khuẩn/<br>100ml | 0                | 0       |         |
| 17  | Chlorine dư                        | Clo XL-CĐ                | mg/l               | 0,3 - 0,5        | 0.60    |         |

**- Kết luận:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.

**- Ghi chú:** Tổng Giám đốc Công ty đã Ủy quyền cho Giám đốc XN Sản xuất nước sạch ký Kết quả kiểm tra chất lượng nước theo Giấy ủy quyền số 11/GUQ-CTCN ngày 02/8/2017.



TỔ XÉT NGHIỆM  
  
PHẠM VIỆT HƯNG



**KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

**Mẫu nước :** Nước sau xử lý tại NMN Cầu Đỏ

**Người kiểm tra :** Phạm Thị Thúy - Nguyễn Thị Nhật Huy - Huỳnh Thị Hồng Mỹ

| Stt | Thời gian lấy mẫu:                 | Ngày 05/11/18            | Tháng 11/2018      |                  | Tuần 45 |         |
|-----|------------------------------------|--------------------------|--------------------|------------------|---------|---------|
|     | Chỉ tiêu                           | Ký hiệu                  | Đơn vị             | Tiêu chuẩn       | Kết quả | Ghi chú |
| 1   | Màu sắc                            | Màu XL-CĐ                | Pt-Co              | $\leq 15$        | 0       |         |
| 2   | Mùi vị                             | Mùi XL-CĐ                |                    | Không mùi, vị lạ | 0       |         |
| 3   | Độ đục                             | Tur XL-CĐ                | NTU                | $\leq 2$         | 0.51    |         |
| 4   | pH                                 | pH XL-CĐ                 | pH                 | 6,5-8,5          | 7.12    |         |
| 5   | Độ cứng, tính theo $\text{CaCO}_3$ | Cứng XL-CĐ               | mg/l               | $\leq 300$       | 100     |         |
| 6   | Tổng chất rắn hòa tan TDS          | TDS XL-CĐ                | mg/l               | $\leq 1000$      | 431.5   |         |
| 7   | Hàm lượng Clorua                   | Mặn XL-CĐ                | mg/l               | $\leq 250$       | 198.8   |         |
| 8   | Hàm lượng Sắt tổng số              | Fetp XL-CĐ               | mg/l               | $\leq 0,3$       | 0.08    |         |
| 9   | Hàm lượng Mangan tổng số           | Mn XL-CĐ                 | mg/l               | $\leq 0,3$       | 0.001   |         |
| 10  | Hàm lượng Nitrat                   | $\text{NO}_3^-$ XL-CĐ    | mg/l               | $\leq 50$        | 0.53    |         |
| 11  | Hàm lượng Nitrit                   | $\text{NO}_2^-$ XL-CĐ    | mg/l               | $\leq 3$         | 0.018   |         |
| 12  | Hàm lượng Sunphat                  | $\text{SO}_4^{2-}$ XL-CĐ | mg/l               | $\leq 250$       | 24      |         |
| 13  | Chỉ số Pecmanganat                 | HCơ XL-CĐ                | mg/l               | $\leq 2$         | 0.16    |         |
| 14  | Coliform tổng số                   | Coliform XL-CĐ           | Vi khuẩn/<br>100ml | 0                | 0       |         |
| 15  | E. coli                            | E.coli XL-CĐ             | Vi khuẩn/<br>100ml | 0                | 0       |         |
| 16  | Chlorine dư                        | Clo XL-CĐ                | mg/l               | 0,3 - 0,5        | 0.50    |         |

- **Kết luận:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn vệ sinh nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.

- **Ghi chú:** Tổng Giám đốc Công ty đã Ủy quyền cho Giám đốc XN Sản xuất nước sạch ký Kết quả kiểm tra chất lượng nước theo Giấy ủy quyền số 11/GUQ-CTCN ngày 02/8/2017.



**GIÁM ĐỐC**

**PHAN LƯU**

**TỔ XÉT NGHIỆM**

**PHẠM VIỆT HÙNG**